



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 210 + 211

Ngày 01 tháng 11 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 15-10-2020- Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác cấp giấy phép và quản lý hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố.

3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 01-10-2020- Quyết định số 3617/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bưu chính và chuyển phát thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông.

6

- 05-10-2020- Quyết định số 3650/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải. 16
- 05-10-2020- Quyết định số 3651/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực quốc tịch, luật sư, tư vấn pháp luật, đấu giá tài sản, quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp. 27
- 12-10-2020- Quyết định số 3778/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 90

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác cấp giấy phép và quản lý hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cảng, bến thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 9519/TTr-SGTVT-GTT ngày 10 tháng 8 năm 2020; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3025/STP-VB ngày 25 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác cấp giấy phép và quản lý hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Quản lý hoạt động bến khách ngang sông thuộc địa giới hành chính của địa phương; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, các điều kiện an toàn hoạt động đối với bến khách ngang sông trên địa bàn”.

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Xử lý theo các hành vi vi phạm: thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm

2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa”.

2. Bổ sung Điều 2a, trước Điều 3 như sau:

“Điều 2a. Trách nhiệm của chủ bến và thuyền viên, người lái phương tiện.

1. Chủ bến thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thuyền viên, người lái phương tiện thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3617/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực bưu chính và chuyển phát thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Thông tin và Truyền thông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 78/TTr-STTTT ngày 14 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bưu chính và chuyên phát thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục V.41; V.42; V.43; V.44; V.45; V.46 được ban hành kèm theo Quyết định 6517/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thành Phong**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Bru chính và chuyển phát						
01	Cấp giấy phép bu chính	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông (số 59, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1)	10.750.000 đồng	<ul style="list-style-type: none">- Luật Bru chính ngày 28/6/2010;- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bru chính;- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/04/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bu chính;- Quyết định 927a/QĐ-BTTTT ngày 01/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.	
02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông (số 59, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép: 750.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bưu chính ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/04/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định 927a/QĐ-BTTTT ngày 01/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. 	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính; - Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính.
03	Cấp lại giấy phép bưu	10 ngày làm việc	Sở Thông tin và	5.375.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bưu chính ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 	<p>Thành phần hồ sơ gồm:</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chính khi hết hạn	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Truyền thông (số 59, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1)		<p>17/6/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bru chính;</p> <p>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/04/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bu chính;</p> <p>- Quyết định 927a/QĐ-BTTTT ngày 01/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>	<p>- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bu chính</p> <p>- Báo cáo tài chính của 02 năm gần nhất do doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo;</p> <p>- Phương án kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo, nếu doanh nghiệp bị lỗ 02 năm liên tiếp;</p> <p>- Các tài liệu sau nếu có thay đổi so với</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính lần gần nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; + Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có); + Bảng giá

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</p> <p>+ Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</p> <p>+ Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính.
04	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông (số 59, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1)	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bưu chính ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/04/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định 927a/QĐ-BTTTT ngày 01/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.	
05	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông (số 59, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tự cung ứng dịch vụ phạm vi nội tỉnh: 1.250.000 đồng. - Trường hợp với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam: 1.000.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bưu chính ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/04/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính; - Quyết định 927a/QĐ-BTTTT ngày 01/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. 	
06	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Sở Thông tin và Truyền thông (số 59, Đường	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bưu chính ngày 28/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hồng không sử dụng được	hồ sơ theo quy định	Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<p>tính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: 500.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam khi bị mất hoặc hư hỏng, không sử dụng được: 500.000 đồng</p>	<p>chính;</p> <p>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/04/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính;</p> <p>- Quyết định 927a/QĐ-BTTTT ngày 01/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3650/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 10260/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 18 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải gồm 06 thủ tục mới ban hành, 03 thủ tục được sửa đổi, 02 thủ tục thay thế và 07 thủ tục bị bãi bỏ (trong đó 01 thủ tục bãi bỏ do được thay thế)

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho:

Các thủ tục có thứ tự I.1, I.2, I.9, I.12, I.14, I.15, I.29 được ban hành kèm theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Các thủ tục có thứ tự II.1, II.2, II.3 được ban hành kèm theo Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3650/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

A1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Quyết định số 1363/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực	- Tại Sở GTVT: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 05 ngày làm việc kể từ	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Quyết định số 1363/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung lĩnh vực đường thủy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	ngày nhận được hồ sơ theo quy định.			nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
3	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	- Tại Sở GTVT: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Quyết định số 1363/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
4	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
5	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Sở Giao thông vận	Không	- Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	hồ sơ theo quy định	tải		sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

A2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa	Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh phải xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, Cảng vụ đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh phải có văn bản phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do.	Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố (địa chỉ: 167 Lưu Hữu Phước, Quận 8).	Không	- Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. - Quyết định số 2734/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**B1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	- Tại Sở GTVT: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	- Tại Sở GTVT: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

B2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Trường Cao đẳng giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp còn hạn sử dụng bị mất.	Trường Cao đẳng GTVT	50.000 đồng/lần cấp	- Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. - Quyết định số 2250/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

C. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Giao thông vận	Không	- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		tải		<p>định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Quyết định số 2084a/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng; 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; - Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đào tạo.			sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Quyết định số 2084a/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

D. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực hàng hải		
1	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	- Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2	Thủ tục chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến	- Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
II. Lĩnh vực đường thủy nội địa		
4	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
5	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
6	Thủ tục phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa (đã bãi bỏ Thông tư 69/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
	thủy nội địa địa phương và vùng nước cảng, bến thủy nội địa nằm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương do Ủy ban nhân dân Thành phố công bố	<p>về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm);</p> <p>- Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p>
7	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ	<p>- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Quyết định số 2084a/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>(Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa)</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3651/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực quốc tịch,
luật sư, tư vấn pháp luật, đấu giá tài sản, quản tài viên
và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4228/TTr-STP-VP ngày 08 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quốc tịch, luật sư, tư vấn pháp luật, đấu giá tài sản, quản tài viên và hành

ngành quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp gồm 05 thủ tục được sửa đổi, bổ sung; 36 thủ tục thay thế và 39 thủ tục bị bãi bỏ do được thay thế.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ :

<http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2020.

Bãi bỏ các nội dung công bố thủ tục hành chính/danh mục thủ tục hành chính:

- Các thủ tục A.III.6, A.III.7, A.III.8, A.III.9, A.III.10; A.VI.5; A.XI.1, A.XI.2, A.XI.3, A.XI.4 được ban hành kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các thủ tục A1.II.1, A1.II.2, A1.II.3, A1.II.4, A1.II.5, A1.II.6, A1.II.7, A1.II.8; A2.III.1, A2.III.2, A2.III.3, A2.III.4, A2.III.5; A2.VI.1, A2.VI.2, A2.VI.3, A2.VI.4, A2.VI.5, A2.VI.6, A2.VI.7, A2.VI.8, A2.VI.9, A2.VI.10, A2.VI.11, A2.VI.12, A2.VI.13; A2.VII.1, A2.VII.2, A2.VII.3, A2.VII.4, A2.VII.5; A3.V.1, A3.V.2; được ban hành kèm theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

- Các thủ tục C1.1; C2.1 được ban hành kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Đoàn luật sư Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3651/QĐ-UBND

ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Quốc tịch					
1	Nhập tịch Việt Nam	115 ngày (Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	3000.000 đồng/trường hợp * Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hoặc được cơ	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009). - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020). - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020).

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>- Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>	<p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).</p> <p>- Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
2	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	2.500.000/trường hợp	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020);</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017); - Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	2.500.0000 đồng/trường hợp * Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009); - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thẩm quyền)		<p>(phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>- Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>	<p>hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020);</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020);</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);</p> <p>- Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam. - 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam. (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	100.000 đồng/trường hợp * Miễn phí đối với các trường hợp sau: - Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là thành viên. - Kiêu bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009); - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020); - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020); - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017); - Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	<p>100.000 đồng/trường hợp</p> <p>* Miễn phí đối với các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là thành viên. - Kiêu bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009); - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020); - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020); - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					năm 2017); - Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

B1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Luật sư						
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư,	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ. * Theo hướng dẫn	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012.	1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	miễn tập sự hành nghề luật sư	<p>hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.</p> <p>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p>		<p>tại Công văn số 432/BTP-BTTP ngày 15/02/2017 của Bộ Tư pháp về việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo Thông tư 220/2016/TT-BTC): cá nhân, tổ chức nộp phí, lệ phí thông qua tài khoản của Cục Bỏ trợ tư pháp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tài khoản: Cục Bỏ trợ tư pháp. - Số tài khoản: 3511.0.1118188. - Tại Kho bạc nhà nước quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. <p>* Giấy tờ chứng minh đã nộp phí, lệ phí được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của 	<p>quyền quyết định: Bộ Tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Tư pháp. <p>2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư tại Đoàn Luật sư hoặc Sở Tư pháp nơi người đề nghị cấp CCHNLS cư trú.</p>	<p>Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.</p> <p>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</p> <p>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
2	<p>Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư.</p>	<p>Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)</p>	<p>50.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</p> <p>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>pháp thi hành Luật Luật sư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	50.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty luật hợp danh, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	50.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	50.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur,	2.000.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ngoài	đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Phường 6, Quận 3)		2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.			<p>123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</p> <p>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</p> <p>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
9	Hợp nhất công ty luật	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur,	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất.	Phường 6, Quận 3)		và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
10	Sáp nhập công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	
12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	600.000 đồng/hồ sơ	<p>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.</p> <p>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</p> <p>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	2.000.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ- 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
II. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật. - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật.	Sở Tư pháp (Địa chỉ 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật. - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	
III. Lĩnh vực Đấu giá tài sản						
1	Cấp Thẻ đấu giá viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên; trường hợp từ chối	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		phải thông báo lý do bằng văn bản.			<p>tài sản.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
2	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp cấp lại Thẻ đấu giá viên; trường hợp từ	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<p>- Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chối phải thông báo lý do bằng văn bản.			<p>tài sản.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
3	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho doanh	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	1.000.000 đồng	<p>- Luật Đấu giá tài sản;</p> <p>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.			tài sản. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. - Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thay đổi, Sở Tư pháp quyết định thay đổi nội dung đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
5	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	500.000 đồng	<p>- Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá,</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p> cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</p> <p>- Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
6	Đăng ký hoạt động của Chi	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-	Không	<p>- Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>- Nghị định số 62/2017/NĐ-</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.	143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)		<p>CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
7	Phê duyệt đủ điều kiện thực	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-	Không	<p>- Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>- Nghị định số 62/2017/NĐ-</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hiện hình thức đấu giá trực tuyến	được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)		CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; - Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lập danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở và gửi Bộ Tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	2.700.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đấu giá tài sản; - Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
IV. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản						
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý,	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và thông báo bằng văn bản cho người đó; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, Sở Tư pháp gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp.</p>			<p>thanh lý tài sản.</p> <p>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.</p> <p>- Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
2	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6,	Không	<p>- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	quyết định thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.	Quận 3)		Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
3	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định ghi tên doanh nghiệp vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Thông tư số 224/2016/TT-	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đó.			<p>BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.</p> <p>- Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	
5	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về tên, địa	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chỉ trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp.			Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

B2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Luật sư						
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư chuyển hồ sơ	Đoàn luật sư TP.HCM Địa chỉ: 104 Nguyễn Đình	- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13	1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quả tập sự hành nghề luật sư	<p>cho Sở Tư pháp kèm theo bản xác nhận người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật Luật sư.</p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.</p> <p>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p>	Chiều, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	<p>* Theo hướng dẫn tại Công văn số 432/BTP-BTTP ngày 15/02/2017 của Bộ Tư pháp về việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo Thông tư 220/2016/TT-BTC): cá nhân, tổ chức nộp phí, lệ phí thông qua tài khoản của Cục Bổ trợ tư pháp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tài khoản: Cục Bổ trợ tư pháp. - Số tài khoản: 3511.0.1118188. - Tại Kho bạc nhà nước quận Ba Đình, thành 	<p>ngày 20/11/2012.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ- 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp. - Cơ quan tiếp nhận: Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. - Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp. <p>2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				phố Hà Nội. * Giấy tờ chứng minh đã nộp phí, lệ phí được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư tại Đoàn Luật sư hoặc Sở Tư pháp nơi người đề nghị cấp CCHNLS cư trú.	BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp kèm theo bản xác nhận người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật Luật sư. Trong thời hạn 07 ngày	Đoàn luật sư TP.HCM. Địa chỉ: 104 Nguyễn Đình Chiểu, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.	- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ. * Theo hướng dẫn tại Công văn số 432/BTP-BTTP ngày 15/02/2017 của Bộ Tư pháp về việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí	- Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư. - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp. - Cơ quan tiếp nhận: Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.</p> <p>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p>		<p>theo Thông tư 220/2016/TT-BTC): cá nhân, tổ chức nộp phí, lệ phí thông qua tài khoản của Cục Bộ trợ tư pháp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tài khoản: Cục Bộ trợ tư pháp. - Số tài khoản: 3511.0.1118188. - Tại Kho bạc nhà nước quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. <p>* Giấy tờ chứng minh đã nộp phí, lệ phí được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư tại Đoàn Luật sư</p>	<p>hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp. 2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề luật sư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hoặc Sở Tư pháp nơi người đề nghị cấp CCHNLS cư trú.		
3	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có văn bản đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư kèm theo hồ sơ gửi Sở Tư pháp.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư</p>	<p>Đoàn luật sư TP.HCM. Địa chỉ: 104 Nguyễn Đình Chiểu, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ. * Theo hướng dẫn tại Công văn số 432/BTP-BTTP ngày 15/02/2017 của Bộ Tư pháp về việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo Thông tư 220/2016/TT-BTC): cá nhân, tổ chức nộp phí, lệ phí thông qua tài khoản của Cục Bổ trợ tư pháp, cụ thể như sau:</p>	<p>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,</p>	<p>1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp. - Cơ quan tiếp nhận: Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. - Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.</p> <p>2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>pháp.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p>		<p>- Tên tài khoản: Cục Bổ trợ tư pháp.</p> <p>- Số tài khoản: 3511.0.1118188.</p> <p>- Tại Kho bạc nhà nước quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.</p> <p>* Giấy tờ chứng minh đã nộp phí, lệ phí được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư tại Đoàn Luật sư hoặc Sở Tư pháp nơi người đề nghị cấp CCHNLS cư trú.</p>	<p>nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</p> <p>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	<p>luật sư.</p>

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

C1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
I. Lĩnh vực Quốc tịch			
1	<u>T-HCM-270581-TT</u>	Thủ tục Thông báo có quốc tịch nước ngoài.	- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2020). - Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	<u>T-HCM-270582-TT</u>	Thủ tục Ghi chú vào sổ khai sinh việc thông báo có quốc tịch nước ngoài.	Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2020).
3	<u>T-HCM-270583-TT</u>	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của người được nhập quốc tịch Việt Nam.	Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2020).
4	<u>T-HCM-270584-TT</u>	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của người được trở lại quốc tịch Việt Nam.	Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2020).
5	<u>T-HCM-270585-TT</u>	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc thôi quốc tịch Việt Nam.	Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2020).
II. Lĩnh vực Luật sư			
1	<u>T-HCM-</u>	Thủ tục Đăng ký hoạt động tổ	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
	<u>270591-TT</u>	chức hành nghề Luật sư.	pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	<u>T-HCM-270599-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hành nghề Luật sư.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	<u>T-HCM-270600-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hành nghề Luật sư với tư cách cá nhân.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	<u>T-HCM-270603-TT</u>	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề Luật sư, chi nhánh tổ chức hành nghề Luật sư, Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	<u>T-HCM-270631-TT</u>	Thủ tục Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
6	<u>T-HCM-270632-TT</u>	Thủ tục Thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
		trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	năng quản lý của Bộ Tư pháp.
7	<u>T-HCM-270633-TT</u>	Thủ tục Chuyển đổi văn phòng Luật sư thành công ty luật.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
8	<u>T-HCM-270634-TT</u>	Thủ tục Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
9	<u>T-HCM-270635-TT</u>	Thủ tục Hợp nhất công ty luật.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
10	<u>T-HCM-270636-TT</u>	Thủ tục Sáp nhập công ty luật.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
11	<u>T-HCM-270637-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề Luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
12	<u>T-HCM-270638-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh của công ty luật nước	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
		ngoài tại Việt Nam.	năng quản lý của Bộ Tư pháp.
13	<u>T-HCM-270639-TT</u>	Thủ tục Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
14	<u>T-HCM-270643-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi từ công ty luật nước ngoài.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
15	HCM-273686	Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
16		Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư.	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
III. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật			
1	<u>T-HCM-270695-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật.	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	<u>T-HCM-</u>	Thủ tục Đăng ký hoạt động	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
	<u>270696-TT</u>	Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật.	pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	<u>T-HCM- 270697-TT</u>	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật.	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	<u>T-HCM- 270698-TT</u>	Thủ tục cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật.	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
IV. Lĩnh vực Đấu giá tài sản			
1	HCM-273650	Thủ tục Đề nghị cấp thẻ đấu giá viên	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	HCM-273651	Thủ tục Đề nghị cấp lại thẻ đấu giá viên	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	HCM-273652	Thủ tục Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
4	HCM-273653	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	HCM-273654	Thủ tục Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
6	HCM-273655	Thủ tục Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
7	HCM-273656	Thủ tục Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực (Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp)	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
8	HCM-273657	Thủ tục Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực (tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
		nghề khác)	
V. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản			
1	<u>T-HCM-270700-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	<u>T-HCM-270701-TT</u>	Thủ tục Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
3	<u>T-HCM-270702-TT</u>	Thủ tục Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	<u>T-HCM-270703-TT</u>	Thủ tục Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của Quản tài viên.	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	<u>T-HCM-270704-TT</u>	Thủ tục Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

C2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
----	------------------	------------------------	------------------------------

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực Luật sư			
1		Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3778/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 9745/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ toàn bộ Chỉ thị số 33/2011/CT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng